

CÔNG TY TNHH VIETTRANS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIETTRANS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETTRANS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107865133

3. Ngày thành lập: 30/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 6, tòa nhà MD Complex, số 68, phố Nguyễn Cơ Thạch, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
4.	Cơ sở lưu trú khác	5590
5.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
6.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
7.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Xây dựng nhà các loại	4100
10.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
15.	Bán buôn tổng hợp	4690
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
20.	Dịch vụ đóng gói	8292
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
22.	Quảng cáo	7310

23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
25.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
29.	Đại lý du lịch	7911
30.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
31.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
32.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
33.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
34.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
36.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
37.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
38.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
39.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
41.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
42.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9700
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Phá dỡ	4311
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
47.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
48.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
49.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
50.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
52.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
53.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
58.	Chuyển phát	5320
59.	Bốc xếp hàng hóa	5224
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
62.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
65.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
66.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
67.	Sao chép bản ghi các loại	1820
68.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
69.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	In ấn	1811
72.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932(Chính)
75.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ NGUYỄN THÙY TRANG CHI	Số 10, hẻm 157/29/9, đường Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	90,000	013598215	
2	BÙI VĂN ANH	Thôn 9, Xã Vũ Tây, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	200.000.000	10,000	151566810	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI VĂN ÁNH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/05/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *151566810*

Ngày cấp: *08/04/2011*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 9, Xã Vũ Tây, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 9, Xã Vũ Tây, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội